

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000
Khu công nghiệp Kim Bảng I

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 16/TTg-CN ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Văn bản tham gia ý kiến của các Bộ: văn bản số 5009/BKHĐT-QLKKT ngày 29/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; văn bản số 2751/BXD-QHKT ngày 28/6/2023 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 219-TB/TU ngày 02/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy hoạch phát triển khu công nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; ý kiến kết luận giao ban Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tuần

30/2023 (tại Thông báo số 2605/TB-VPUB ngày 19/7/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh);

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Theo các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 phê duyệt Quy hoạch chung Đô thị Kim Bảng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 2538/UBND-GTXD ngày 21/9/2022 về việc chủ trương khảo sát, lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh dự kiến bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam; Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 v/v phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ phía Bắc (PK3) thuộc Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng; Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Kim Bảng I; Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 phê duyệt đính chính tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Kim Bảng I;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 1757/TTr-SXD ngày 19/7/2023, kèm theo Báo cáo Thẩm định số 1618/BC-SXD ngày 04/7/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Kim Bảng I; với những nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Kim Bảng I.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý các khu công nghiệp.

3. Mục tiêu, tính chất, quy mô và phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa đồ án quy hoạch chung đô thị Kim Bảng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Hình thành Khu công nghiệp tập trung có quy mô lớn, tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội của huyện Kim Bảng, gắn với các công trình hạ tầng khung và phát triển đô thị - dịch vụ đồng bộ, trong đó ưu tiên phát triển nhà ở xã hội, thiết chế công đoàn đáp ứng nhu cầu thiết yếu phục vụ công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

- Thu hút các nhà đầu tư phát triển các ngành có công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Làm cơ sở để lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp (nếu cần), quản lý xây dựng và kiểm soát phát triển theo quy hoạch được phê duyệt.

3.2. Tính chất: Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành có công nghệ sản xuất tiên tiến và thân thiện với môi trường; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại.

3.3. Quy mô:

- Quy mô diện tích quy hoạch: Khoảng 230ha.
- Quy mô dân số dự kiến làm việc tại khu công nghiệp: Khoảng 15.000÷16.000 người (*chỉ tiêu trung bình: khoảng 90÷100 người/ha đất công nghiệp, có bao gồm lao động làm việc, sử dụng dịch vụ lưu trú trong khu công nghiệp*).

3.4. Vị trí, phạm vi lập quy hoạch: thuộc địa giới hành chính của các xã: Lê Hồ, Đại Cường và Đồng Hóa, huyện Kim Bảng, vị trí cụ thể:

- Phía Bắc giáp đường quy hoạch rộng 36m;
- Phía Nam giáp cụm công nghiệp Đồng Hóa và dân cư hiện trạng;
- Phía Đông giáp cụm công nghiệp Lê Hồ và đất đơn vị ở mới, công cộng đô thị phía Tây thôn Nông Vụ, xã Đại Cường;
- Phía Tây giáp đường quy hoạch nối Vành đai 4-Vành đai 5.

4. Quy hoạch sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan

4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất dịch vụ	5,09	2,21
2	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	166,74	72,50
3	Đất cây xanh, mặt nước	26,61	11,57
	<i>Cây xanh sử dụng công công, cách ly</i>	23,29	10,13
	<i>Mặt nước</i>	3,32	1,44
4	Đất các khu kỹ thuật	2,43	1,06
5	Đất đường giao thông, bãi đỗ xe	29,13	12,66
	<i>Đường giao thông nội bộ</i>	28,37	12,33
	<i>Bãi đỗ xe</i>	0,76	0,33
	Tổng	230,00	100,00

4.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan: trên cơ sở mạng lưới giao thông của quy hoạch chung thị đô thị Kim Bảng, quy hoạch phân khu có liên quan, giao thông trong khu công nghiệp Kim Bảng I được tổ chức kết nối đồng bộ, chức năng sử dụng đất được bố trí như sau:

- Đất dịch vụ: được bố trí phía Bắc khu công nghiệp (*khu vực phía Nam tuyến đường liên kết vùng, nối từ đường vành đai 4 - vành đai 5 qua Quốc lộ 38 đến đường Quốc lộ 21, huyện Kim Bảng*) xây dựng các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng, thiết chế văn hóa, thể thao cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp, kiến trúc hiện đại tạo không gian kiến trúc, cảnh quan trên các tuyến đường đô thị; tầng cao tối đa 15 tầng, mật độ xây dựng tối đa 45%, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 10m so với chỉ giới đường đỏ đường giao thông.

- Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi: bố trí các ô đất (từ CN01÷CN07, trong đó ô đất CN.06-2 phục vụ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo...) xây dựng các công trình nhà máy, kho tàng (bao gồm cả các công trình hành chính, dịch vụ của từng nhà máy) tiếp giáp với các trục đường nội bộ trong khu công nghiệp; mật độ xây dựng tối đa 70%, tối đa 05 sàn, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông.

- Đất bãi đỗ xe: bố trí tại lô đất P (vị trí phía Đông khu vực) có mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao tối đa 1 tầng, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông.

- Đất các khu kỹ thuật (Trạm xử lý nước thải, bơm tăng áp PCCC,...): bố trí tại các ô đất HTKT.1÷ HTKT.2 (vị trí phía Đông Bắc và phía Tây Nam của khu công nghiệp), mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao tối đa 5 tầng, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6m so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông.

- Đất cây xanh chuyên dụng (cây xanh cách ly) bố trí bao quanh khu công nghiệp, trạm xử lý nước thải, hành lang đường điện, khu vực bãi đỗ xe, nghĩa trang, chiều rộng dải xây xanh cách ly $\geq 10m$, đối với khu vực gần dân cư được tăng bề rộng dải trồng cây xanh; cây xanh công cộng (vườn hoa) bố trí tập trung tại khu đất dịch vụ phía Bắc của khu công nghiệp phục vụ nhu cầu cho người lao động trong khu công nghiệp. Cây xanh được trồng trong khu công nghiệp đảm bảo phù hợp với các quy định tại Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.3. Định hướng, quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan:

- Kiến trúc cảnh quan dọc các trục đường chính: được xác định trên các trục đường giao thông (tuyến đường đối ngoại rộng 48m, 36m và đường chính khu công nghiệp rộng 43m, 36m), yêu cầu khoảng lùi tối thiểu 10m đối với đất dịch vụ và lùi tối thiểu 6m đối với đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (so với ranh giới ô đất tiếp cận đường giao thông); hình thức kiến trúc, màu sắc, vật liệu xây dựng theo hướng xanh, phù hợp với không gian, cảnh quan chung của khu vực.

- Các khu vực không gian mở, các công trình điểm nhấn: không gian mở được xác định tại khu vực xây dựng các công trình dịch vụ, cây xanh công cộng (vườn hoa) và mương tiêu dẫn nước; tại các khu vực nút giao thông chính đô thị kết hợp hệ thống đèn điều khiển giao thông đảm bảo an toàn theo quy định. Các công trình điểm nhấn được xác định tại các vị trí có lợi thế về không gian như các công trình dịch vụ có quy mô, hình khối lớn, với hình thức kiến trúc hiện đại được định dạng mặt đứng với chiều cao tuân thủ quy hoạch phân khu với chiều cao tầng tối đa 15 tầng, khoảng lùi xây dựng tối thiểu 10m, kết hợp cây xanh, đèn trang trí tại các công trình góp phần nâng cao giá trị kiến trúc cảnh quan.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Quy hoạch giao thông:

- Giao thông ngoài khu công nghiệp:

+ Mặt cắt A-A rộng 48m = 5,5m (hè) + 12,25m (lòng đường) + 4m (PC giữa) + 12,25m (lòng đường) + 0,5m (PC bên) + 8,5m (lòng đường) + 5m (hè).

+ Mặt cắt B-B rộng 36m = 5m (hè) + 10,5m (lòng đường) + 5m (PC giữa) + 10,5m (lòng đường) + 5m (hè).

- Giao thông nội bộ trong khu công nghiệp:

+ Mặt cắt 1-1 rộng 43m = 6m (hè) + 10,5m (lòng đường) + 10m (mương+CX) + 10,5m (lòng đường) + 6m (hè).

+ Mặt cắt 2-2 rộng 36m = 6m (hè) + 10,50m (lòng đường) + 3,0m (PC) + 10,50m (lòng đường) + 6m (hè).

+ Mặt cắt 3-3 rộng 22,5m = 6m (hè) + 10,5m (lòng đường) + 6m (hè).

+ Mặt cắt 4-4 rộng 19,5m = 6m (hè) + 10,5m (lòng đường) + 3m (hè).

- Vía hè: bố trí các đoạn dải trồng cây liên tục thiết kế theo hướng thoát nước bên vỉng.

- Bãi đỗ xe: bố trí tập trung phía Đông khu công nghiệp, đáp ứng nhu cầu đỗ xe cho toàn khu; tổ chức giao thông lối ra, vào riêng biệt, kết hợp hệ thống cây xanh cảnh quan.

- Nút giao thông: tổ chức các nút giao cùng mức, bố trí đảo dẫn hướng, các làn xe rẽ phải (hạn chế các điểm xung đột trực tiếp) bố trí dải phân cách cứng kết hợp với đèn tín hiệu giao thông, biển báo và vạch sơn kẻ đường theo quy định. Đối với nút giao thông phía Đông Bắc khu công nghiệp sẽ được cụ thể hóa trong quá trình đề xuất dự án.

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Hướng dốc chính: từ Bắc xuống Nam.

- Cao độ tim đường giao thông: $\geq +3,5m$; cao độ san nền tối thiểu $+3,5m$, độ dốc san nền đảm bảo thoát nước nhanh chóng.

5.3. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Lưu vực thoát nước: chia thành 03 lưu vực chính, hướng thoát chung về phía kênh tiêu PK hiện trạng phía Tây Nam khu công nghiệp.

+ Lưu vực 1 (phía Đông tuyến đường 43m): hướng thoát nước chính từ Đông sang Tây về mương tiêu PK15 hoàn trả trên tuyến đường 43m.

+ Lưu vực 2 (phía Tây tuyến đường 43m): hướng thoát nước chính từ Tây sang Đông về mương tiêu PK15 hoàn trả trên tuyến đường 43m.

+ Lưu vực 3 (phía Đông tuyến đường 48m và phía Đông Bắc tuyến đường 19,5m): hướng thoát nước từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam về mương tiêu phía Tây Nam khu đất.

- Các tuyến mương thoát chính: gồm mương thoát trên tuyến đường 43m (mương hở hình thang B_{mặt}=7m) và mương thoát nước phía Tây Nam khu đất (mương hở mặt cắt hình thang B_{mặt}=10m).

- Hệ thống thoát nước được bố trí trên vỉa hè và dải cây xanh, gồm các tuyến rãnh kích thước B600÷B1000 kết hợp với công tròn bê tông cốt thép D600÷D1500 và công hộp bê tông cốt thép kích thước BxH=1500x1500÷ BxH=2000x2000 (hoặc

cống tròn bê tông cốt thép có tiết diện tương đương), mương tiêu nước qua đường được thiết kế bằng cống hộp đôi bê tông cốt thép kích thước tối thiểu BxH=2500x2000.

- Hoàn trả kênh tưới I3-2-3 bằng kênh hở được bố trí nằm phía Đông tuyến đường quy hoạch 19,5m và trên dải cây xanh cách ly phía Đông khu vực. Hệ thống ga thu và ga thăm thiết kế dọc theo cống, bố trí tại các vị trí đặc biệt, vị trí chuyển hướng, thay đổi tiết diện cống... Độ dốc dọc cống được thiết kế đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy ($i_{\min} > 1/D$).

- Bố trí trạm bơm cục bộ phía Tây Nam khu công nghiệp để phục vụ bơm nước ra kênh tiêu PK hiện trạng phía Tây Nam khu vực.

5.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước: khoảng 8.600 m³/ngày đêm.

- Nguồn nước: lấy từ đường ống cấp nước $\Phi 300$ trên đường 36m phía Bắc khu công nghiệp (theo đồ án Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng được duyệt).

- Mạng lưới cấp sử dụng mạng vòng, đi ngầm trên vỉa hè dọc theo các tuyến chính, đường nội bộ và dải cây xanh, gồm các tuyến ống HDPE $\Phi 110 \div \Phi 355$.

- Cấp nước cứu hỏa: nguồn nước lấy từ ống cấp nước trên các trục đường, mương tiêu, hồ nước (nếu có) của khu công nghiệp, các trụ cứu hỏa được bố trí với khoảng cách tối đa 150m/trụ.

5.5. Quy hoạch cấp điện:

- Tổng nhu cầu sử dụng điện: khoảng 59,2 MVA.

- Nguồn điện: lấy từ xuất tuyến 22kV sau trạm biến áp 110kV (Kim bảng 2 theo quy hoạch và Đồng Văn 4 hiện trạng), tuyến 22kV bố trí trên 2 bên hè đường tuyến đường chính 43m và tuyến đường nội bộ trong khu công nghiệp.

- Trạm điện: Bố trí các trạm biến áp 22/0,4kV cho các ô đất dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật (trạm xử lý nước thải, trạm bơm tăng áp...) và bãi đỗ xe, chiếu sáng đường giao thông (có thể bố trí nhiều máy để phù hợp với nhu cầu từng giai đoạn, nên dùng các máy có công suất $\leq 560KVA$), các trạm biến áp gần trung tâm phụ tải dùng điện, đảm bảo bán kính phục vụ của lưới điện hạ thế $\leq 300m$.

- Mạng lưới: tuyến đường dây 22kV được đi nổi, sử dụng cột bê tông ly tâm cao 20m, tuyến đường dây trung thế hiện trạng được di chuyển đảm bảo theo quy định; cấp 0,4kV và chiếu sáng được đi ngầm trên vỉa hè.

- Hệ thống chiếu sáng: tủ điện chiếu sáng bố trí trên hè đường và dải cây xanh, đèn chiếu sáng sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, có khả năng tự động hóa chiếu sáng theo khung thời gian, khoảng cách các đèn chiếu sáng được bố trí theo quy định.

5.6. Quy hoạch thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu nước thải: khoảng 6.200 m³/ngày đêm.

- Hướng thoát nước chính: Từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông.

- Trạm xử lý nước thải tập trung bố trí tại khu vực phía Tây Bắc tại ô đất hạ tầng kỹ thuật (HTKT), được chia thành các modul phù hợp với nhu cầu, bố trí hệ thống hồ sơ cố theo quy định, nước thải xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Hệ thống thu gom nước thải gồm các tuyến ống có đường kính từ D400÷D500 đi ngầm dọc theo các tuyến đường nội bộ và dải cây xanh; Ga thu, ga thăm thiết kế dọc theo công, khoảng cách giữa các hố ga trung bình khoảng 40m, bố trí tại các vị trí đặc biệt, vị trí chuyển hướng, thay đổi tiết diện công... Độ dốc dọc công được thiết kế đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy ($i_{\min} > 1/D$). Bố trí 01 trạm bơm chuyển bậc tại lô đất cây xanh cách ly và ống áp lực có kích thước phù hợp.

5.7. Quy hoạch thông tin liên lạc (hạ tầng viễn thông thụ động):

- Nhu cầu Internet băng rộng cố định khoảng 2.225 thuê bao (*không bao gồm thuê bao điện thoại di động, thuê bao Internet băng rộng di động-4G*).

- Nguồn cấp viễn thông: được cấp từ trạm BTS của khu vực.

- Bố trí hệ thống mạng truyền dẫn cáp quang đi ngầm trên hè đường và dải cây xanh trong các tuyến ống và hố ga kỹ thuật. Trong quá trình đầu tư xây dựng, Chủ đầu tư làm việc với cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện việc đầu tư hạng mục mạng truyền dẫn cáp quang đảm bảo đầu tư xây dựng đồng bộ.

5.8. Quy hoạch hệ thống hào kỹ thuật: hệ thống ống chờ luôn cáp kết hợp hố ga kỹ thuật (bể cấp) nối các khoảng ống nhằm phục vụ cho hệ thống đường dây cáp điện, thông tin liên lạc đi bên trong và thuận tiện trong việc vận hành, nâng cấp sửa chữa hệ thống đường dây.

5.9. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Tổng lượng CTR: khoảng 52 tấn/ngày.

- Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại được phân loại riêng trong các nhà máy và thu gom định kỳ theo loại rác, tổ chức thu gom rác công cộng bằng các thùng đựng rác bán kính từ 200m ÷ 300m. Rác thải được đưa về điểm tập trung CTR đặt tại lô đất các khu kỹ thuật và vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung của tỉnh để xử lý.

- Quản lý nghĩa trang: di chuyển các mộ nhỏ lẻ về khu nghĩa trang tập trung theo quy hoạch; nghĩa trang phía Đông khu công nghiệp từng bước đóng cửa, xây tường bao, cải tạo chỉnh trang và trồng cây xanh cách ly để đảm bảo cảnh quan cho khu vực.

6. Phương án bố trí nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng (bao gồm công trình phúc lợi về văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao) cho người lao động trong khu công nghiệp

- Dự kiến bố trí khu nhà ở xã hội, thiết chế của công đoàn phục vụ công nhân, người lao động làm việc khu công nghiệp Kim Bảng I và các khu công nghiệp trên địa bàn huyện Kim Bảng có quy mô diện tích khoảng 20,7ha:

+ Vị trí 01 thuộc xã Đồng Hóa, quy mô diện tích khoảng 8,6 ha (cụ thể: Phía Bắc giáp tuyến đường quy hoạch rộng 29m; Phía Nam giáp quy hoạch đất bãi đỗ xe, cây xanh; Phía Đông giáp đường quy hoạch D3; phía Tây giáp quy hoạch công viên, cây xanh đô thị);

+ Vị trí 02 thuộc xã Lê Hồ, quy mô diện tích khoảng 12,1 ha (cụ thể: Phía Bắc khu dân cư thôn An Đông và thôn Phương Đàn; Phía Nam giáp khu công nghiệp Kim Bảng 1 (theo quy hoạch); Phía Đông giáp đường, khu dân cư theo quy hoạch; Phía Tây khu dân cư thôn Phương Đàn).

- Các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng đặt tại lô đất dịch vụ (DV.01÷DV.02) trong khu công nghiệp.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường: các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch xây dựng phù hợp với nội dung đánh giá môi trường chiến lược trong quy hoạch chung đã được duyệt:

- Bảo vệ môi trường không khí: phát triển cây xanh trong khu công nghiệp gồm hệ thống cây xanh cảnh quan và cây xanh cách ly; quản lý thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng các nhà máy trong khu công nghiệp;

- Bảo vệ môi trường nước: xây dựng hệ thống thoát nước riêng và trạm xử lý nước thải của khu công nghiệp, hệ thống mương tiêu, cống thoát nước theo quy hoạch;

- Thực hiện các biện pháp quản lý tổng hợp giảm thiểu chất thải, giảm phát thải khí nhà kính, phòng ngừa sự cố môi trường, đảm bảo thực hiện các giải pháp thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải rắn theo quy định.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định Quản lý xây dựng theo Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Kim Bảng I”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan: Tổ chức công bố công khai Đồ án quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy định.

- Tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới theo quy định.

2. Sở Xây dựng: kiểm tra, giám sát công tác quản lý xây dựng trên địa bàn theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch được duyệt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ chế, chính sách, nguồn lực để thu hút, thực hiện dự án đầu tư theo Quy hoạch được duyệt đảm bảo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (*để b/c*);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, GTXD, TH;
- Lưu VT, GTXD_(DH).

CHỦ TỊCH

Trương Quốc Huy